

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2026

*“V/v kiện xin ly hôn, tranh chấp  
nuôi con và tài sản chung”.*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phú Quảng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Lan Hương và bà Hoàng Thị Thuý Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quý Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 55/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tài sản chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phan Thanh K, sinh ngày 20/11/1990. CCCD số: 052190000034; cấp ngày 28/6/2023; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH – Bộ Công an. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (***nay là Ấp B, xã B, TP Hồ Chí Minh***), chị K có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn là: Bà Phan Thụy K, sinh năm: 1978 - Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Luật sư Phong & Partners; Tầng 6, Tòa nhà Thành Lợi, số 249 Nguyễn Văn L, phường T, TP Đà Nẵng, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn M, sinh ngày 24/11/1985. CCCD số: 044085007087; cấp ngày 26/4/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng (***nay là Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị***), có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa bà Phan Thanh K trình bày: Bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M tự nguyện tìm hiểu nhau, và có đăng ký

kết hôn vào ngày 10/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (cũ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 47, quyền số 01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoà thuận, nhưng bốn năm gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách và lối sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về tất cả các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được tình hình.

Nay bà K xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông M.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M có một con chung là cháu: Phạm Quốc H, sinh ngày 15/3/2010. Hiện nay cháu H đang sống chung và có nơi ở ổn định cùng với mẹ (Phan Thanh K). Bà K có nguyện vọng sau khi ly hôn bà K được trực tiếp chăm sóc nuôi con, và đề nghị ông M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông M đều thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, nhưng có các loại tài sản chung sau: có 01 ngôi nhà trên thửa đất số 274, tờ bản đồ 05, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 941832, số vào sổ CH01364 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 04/10/2017, mang tên bà ông Phạm Văn M – Bà Phan Thanh K; Địa chỉ thửa đất tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng (nay là Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị).

Tại phiên toà các bên đương sự thoả thuận trị giá tài sản nhà và đất: 725.607.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*), nguyện vọng giao nhà và đất cho ông M có quyền sở hữu, sử dụng, yêu cầu ông M giao tiền chênh lệch tài sản cho bà K 725.607.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*). Bà K, ông M thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét Chứng thư thẩm định giá làm căn cứ giải quyết phần tài sản.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn là: Bà Phan Thụy K - Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ thống nhất với quan điểm trình bày của bà Phan Thanh K.

*\* Ý kiến của bị đơn ông Phạm Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông M thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như trình bày của bà K. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Ông M cũng đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn, tìm cách thăm gặp hai mẹ con nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên tại phiên hoà giải và tại phiên toà ông M đồng ý ly hôn bà K.

- Về quan hệ con chung: Ông M thừa nhận vợ chồng có một con chung là cháu: Phạm Quốc H, sinh ngày 15/3/2010. Hiện nay cháu H đang sống chung với mẹ (Phan

Thanh K). Ông M cũng đồng ý sau khi ly hôn giao con chung cho bà K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, ông M đề nghị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M và bà K đều thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng vợ chồng không có nợ chung, nhưng có các loại tài sản chung sau: có 01 ngôi nhà trên thửa đất số 274, tờ bản đồ 05, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 941832, số vào sổ CH01364 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 04/10/2017, mang tên bà ông Phạm Văn M – Bà Phan Thanh K; địa chỉ thửa đất tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng (nay là Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị).

Tại phiên toà các bên đương sự thoả thuận trị giá tài sản nhà và đất là 725.607.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn), nguyện vọng bị đơn được nhận nhà và đất và giao tiền chênh lệch tài sản cho bà K 725.607.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn). Bà K, ông M thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét Chứng thư thẩm định giá làm căn cứ giải quyết phân tài sản.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ:

Theo hiện trạng sử dụng thửa đất số 274, tờ bản đồ số 05, vị trí, ranh giới được xác định như sau:

Từ điểm 1 đến điểm 2: Giáp đường giao thông (điểm 1 và điểm 2 là góc móng hàng rào xây, ranh giới theo mép ngoài hàng rào xây, kích thước 6,46m).

Từ điểm 2 đến điểm 3: Giáp thửa đất số 275, tờ bản đồ số 05; điểm 2, 3 là góc móng hàng rào xây, ranh giới theo mép ngoài hàng rào xây, kích thước 18,92m.

Từ điểm 3, 4, 5: Giáp thửa đất số 205, điểm 3 là góc móng hàng rào xây, ranh giới theo mép ngoài hàng rào xây, từ điểm 3, 4 theo mép ngoài móng nhà xây, từ 4 – 5 kích thước 9,72m.

Từ điểm 5, 6, 7 và 1: Giáp nương thủy lợi, điểm 5, 6 là góc móng nhà xây, điểm 7, 1 là góc móng hàng rào xây, ranh giới theo mép ngoài móng nhà xây từ điểm 5, 6 và theo mép ngoài hàng rào xây từ điểm 6, 7, 1, kích thước 19,40m.

Gắn liền thửa đất là một ngôi nhà cấp 4, kích thước, vị trí có sơ đồ, bản vẽ kèm theo.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị:

Ông Phạm Văn M và bà Phan Thanh K đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 138,2m<sup>2</sup> tại thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị. Trên cơ sở kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, tại bản mô tả kết quả thẩm định thể hiện ranh giới mà ông Phạm Văn M và bà Phan Thanh K đã xây dựng công trình (nhà ở, mái bê tông) thuộc phạm vi ranh giới đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần thuộc đất thủy lợi, đất chưa sử dụng là hành vi lấn, chiếm đất.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật đất đai năm 2024:

...3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do lấn đất, chiếm đất

*không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất thì xử lý như sau:*

*a) Trường hợp người đang sử dụng đất ổn định, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch nông thôn thì được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;*

*b) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì người đang sử dụng đất được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định.*

Ngoài ra theo quy định tại khoản 5, Điều 139 Luật đất đai năm 2024:

*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau thì Nhà nước không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xử lý theo quy định của pháp luật.*

Đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết và đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 51, 54, 55, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M.

[2] Về quan hệ con chung: Công nhận sự thoả thuận của bà K và ông M giao con chung là cháu: Phạm Quốc H cho bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Bà K và ông M đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phạm Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà K mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Trong trường hợp ông M chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về phân chia tài sản chung:

Giao cho ông Phạm Văn M được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung là nhà và đất như sau:

+ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 138,2m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M, bà K, trong đó đất ở tại nông thôn 125m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác là 13,2m<sup>2</sup>; địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 941832 do UBND huyện B cấp ngày 04/10/2017. Riêng đối với phần diện tích đất mà nhà ở của vợ chồng xây dựng vượt ra ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là diện tích đất sử dụng không hợp pháp, không được coi là tài sản chung, không đủ điều kiện để Tòa án xem xét chia quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nhà ở và công trình xây dựng trên đất được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, là công sức của chồng, công vợ, là tài sản chung của vợ chồng.

+ Tài sản gắn liền trên thửa đất là 01 (một) ngôi nhà 151,70 m<sup>2</sup> được xây dựng trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5. Tài sản này chưa được cấp Giấy phép xây dựng và chưa đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao tài sản là nhà không làm phát sinh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích vượt ranh giới được cấp, cụ thể: Phần nhà xây trên đất thủy lợi từ điểm 5 - 23 - 6 - 5 có diện tích 3,6m<sup>2</sup>; Phần nhà xây trên đất BCS từ điểm 18 - 17 - 20 - 19 - 18 có diện tích 3,1m<sup>2</sup>; Phần mái bê tông xây trên đất thủy lợi từ điểm 6 - 8 - 10 - 11 - 12 - 6 có diện tích 1,7m<sup>2</sup>; Phần mái bê tông xây trên đất BCS từ điểm 16 - 13 - 12 - 6 - 19 - 20 - 17 - 18 - 16 có diện tích 29,3m<sup>2</sup> (có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Ông Phạm Văn M phải có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thanh K là: 725.607.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*).

Trong trường hợp anh M chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với án phí ly hôn: Bà K và ông M mỗi bên phải chịu ½ án phí theo quy định. Tuy nhiên, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận để bà K chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

[6] Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng bà K và ông M thoả thuận bà K chịu nộp thay ông M để sung công quỹ nhà nước.

[7] Đối với án phí chia tài sản: Bà Phan Thanh K thoả thuận chịu toàn bộ án phí chia tài sản là: 33.024.280 đồng (*ba mươi ba triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Tất cả các nghĩa vụ của bà Phan Thanh K phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.300.000đ (*ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002901 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị).

[8] Bà K thoả thuận chịu phần chi phí thẩm định giá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và đã nộp cho Công ty CP Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng.

[9] Bà K thoả thuận nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.200.000đồng (*bốn triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn*), bà K đã nộp đủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thanh K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là nơi bị đơn ông Phạm Văn M có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng (*nay là Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị*). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được Tòa án gửi tổng đạt giấy triệu tập đến phiên tòa hợp lệ. Do đó, căn cứ Điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M tự nguyện tìm hiểu nhau, và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh bà Rịa Vũng Tàu (cũ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 47, quyển số 01/2009. Việc kết hôn của ông, bà trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Ông, bà đã có thời gian khá dài chung sống hạnh phúc, lẽ ra ông, bà phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn

trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại ông, bà không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng.

Tại bản tự khai do bà K và ông M gửi đến Tòa án thì ông, bà đều thống nhất thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau. Vì hoàn cảnh kinh tế vợ chồng phải đi làm ăn xa thường xuyên, vợ chồng không ở gần nhau, tình cảm lạnh nhạt, không có sự yêu thương chăm sóc, việc ai nấy làm. Dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng hiện nay đã ly thân. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù vợ chồng đã nhiều cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn ngày tăng lên.

Tại phiên toà các đương sự khẳng định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể khắc phục nên thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án ghi nhận, quá trình chung sống vợ chồng giữa bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M có 01 (một) con chung là: Phạm Quốc H, sinh ngày 15/3/2010. Từ trước đến nay cháu H đang sống chung với mẹ (Phan Thanh K), nguyện vọng của cháu H xin được ở với M. Ông M cũng đồng ý sau khi ly hôn giao con chung cho bà K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ thực tế việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay, xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Phạm Quốc H cho chị K được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thanh K yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ, còn ông M trình bày hiện nay không có công việc ổn định, thu nhập thất thường, bản thân sức khoẻ yếu, hậu quả do tai nạn lao động, nên có nguyện vọng được đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Hội đồng xét xử thấy trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là của cả vợ chồng, việc chi phí nuôi dưỡng con trong thời buổi hiện nay có phần cao, tuy nhiên cũng cần căn cứ vào công việc, và thu nhập thực tế của từng người để cùng gánh trách nhiệm chung, do đó cần căn cứ vào điều kiện thực tế của ông M là đúng để xem xét, nhưng cũng cần nâng mức đóng góp lên chút đỉnh để chi phí nuôi dưỡng con cái cùng bà K, phù hợp với tình hình chung của xã hội hiện nay và cần buộc ông M có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng bà K mỗi tháng 2.000.000 là có cơ sở.

Trong trường hợp ông M chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật dân sự.

[2.4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Vợ chồng ông M, bà K không có nợ chung; Tài sản chung của bà K, ông M đã được xem xét, thẩm định.

Tại phiên toà các bên đương sự thoả thuận trị giá tài sản nhà và đất: 725.607.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*), nguyện vọng bị đơn được nhận nhà và đất và giao tiền chênh lệch tài sản cho bà K 725.607.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*) và được bà K chấp nhận thoả thuận theo nguyện vọng của ông M. Bà K, ông M thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét chứng thư thẩm định giá làm căn cứ giải quyết phần tài sản, cụ thể:

Giao cho ông Phạm Văn M được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung là nhà và đất như sau:

+ Thừa đất số 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 138,2m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M, bà K, trong đó đất ở tại nông thôn 125m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác là 13,2m<sup>2</sup>; địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 941832 do UBND huyện B cấp ngày 04/10/2017. Riêng đối với phần diện tích đất mà nhà ở của vợ chồng xây dựng vượt ra ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là diện tích đất sử dụng không hợp pháp, không được coi là tài sản chung, không đủ điều kiện để Tòa án xem xét chia quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nhà ở và công trình xây dựng trên đất được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, là công sức của chồng, công vợ, là tài sản chung của vợ chồng nên cần phải xem xét theo quy định.

+ Tài sản gắn liền trên thửa đất là 01 (một) ngôi nhà 151,70 m<sup>2</sup> được xây dựng trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5. Tài sản này chưa được cấp Giấy phép xây dựng và chưa đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao tài sản là nhà không làm phát sinh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích vượt ranh giới được cấp, cụ thể: Phần nhà xây trên đất thủy lợi từ điểm 5 - 23 - 6 - 5 có diện tích 3,6m<sup>2</sup>; Phần nhà xây trên đất BCS từ điểm 18 - 17 - 20 - 19 - 18 có diện tích 3,1m<sup>2</sup>; Phần mái bê tông xây trên đất thủy lợi từ điểm 6 - 8 - 10 - 11 - 12 - 6 có diện tích 1,7m<sup>2</sup>; Phần mái bê tông xây trên đất BCS từ điểm 16 - 13 - 12 - 6 - 19 - 20 - 17 - 18 - 16 có diện tích 29,3m<sup>2</sup> (*có sơ đồ, bản vẽ kèm theo*).

Ông Phạm Văn M phải có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thanh K số tiền là: 725.607.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*). Việc thanh toán được các bên thống nhất thực hiện tại thời điểm hai bên ký đơn thoả thuận và được lập biên bản giao nhận, không yêu cầu thông qua cơ quan thi hành án.

[2.5] Đối với án phí ly hôn bà K và ông M mỗi bên phải chịu ½ án phí theo quy định. Tuy nhiên, các bên đương sự thống nhất thoả thuận để bà K chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

[2.6] Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng bà K và ông M thoả thuận bà Kiều chịu nộp thay ông M để sung công quỹ nhà nước.

[2.7] Đối với án phí chia tài sản: Bà Phan Thanh K thoả thuận chịu toàn bộ án phí chia tài sản là: 33.024.280 đồng (*ba mươi ba triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

Tất cả các nghĩa vụ của bà Phan Thanh K phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.300.000đ (*ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002901 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị).

[3.4] Đối với phần chi phí thẩm định giá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) mà bà Kiều đã nộp và đã chi phí cho Công ty CP Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng: Vì các bên đương sự đã thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét Chứng thư thẩm định giá, do đó các bên đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết chi phí thẩm định giá này.

[2.8] Đối với chi phí thẩm định tại chỗ với số tiền 4.200.000đồng (*bốn triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn*) mà bà K đã nộp tạm ứng tại Toà án và đã được Toà án chi phí hết cho Hội đồng xem xét, thẩm định tài sản, các bên đương sự thống nhất thoả thuận bà K chịu toàn bộ phần chi phí thẩm định tài sản đã nộp và đã chi này.

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 29, 33, 51, 54, 55, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M.

[2] Về quan hệ con chung: Công nhận sự thoả thuận của bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M giao con chung là cháu: Phạm Quốc H cho bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của

con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phạm Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Phan Thanh K mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 02/2026 cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Trong trường hợp ông Phạm Văn M chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về phân chia tài sản chung:

Giao cho ông Phạm Văn M được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung là nhà và đất như sau:

+ Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 138,2m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M, trong đó đất ở tại nông thôn 125m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác là 13,2m<sup>2</sup>; địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 941832 do UBND huyện B cấp ngày 04/10/2017. Riêng đối với phần diện tích đất mà nhà ở của vợ chồng xây dựng vượt ra ngoài diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là diện tích đất sử dụng không hợp pháp, không được coi là tài sản chung, không đủ điều kiện để Tòa án xem xét chia quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nhà ở và công trình xây dựng trên đất được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, là công sức của chồng, công vợ, là tài sản chung của vợ chồng.

+ Tài sản gắn liền trên thửa đất là 01 (một) ngôi nhà 151,70 m<sup>2</sup> được xây dựng trên thửa đất số 274, tờ bản đồ số 5. Tài sản này chưa được cấp Giấy phép xây dựng và chưa đăng ký biến động đưa tài sản là nhà vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao tài sản là nhà không làm phát sinh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích vượt ranh giới được cấp, cụ thể: Phần nhà xây trên đất thủy lợi từ điểm 5 - 23 - 6 - 5 có diện tích 3,6m<sup>2</sup>; Phần nhà xây trên đất BCS từ điểm 18 - 17 - 20 - 19 - 18 có diện tích 3,1m<sup>2</sup>; Phần mái bê tông xây trên đất thủy lợi từ điểm 6 - 8 - 10 - 11 - 12 - 6 có diện tích 1,7m<sup>2</sup>; Phần mái bê tông xây trên đất BCS từ điểm 16 - 13 - 12 - 6 - 19 - 20 - 17 - 18 - 16 có diện tích 29,3m<sup>2</sup> (có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Ông Phạm Văn M phải có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thanh K số tiền là: 725.607.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng chẵn*).

Trong trường hợp ông Phạm Văn M chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với án phí ly hôn: Bà bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M mỗi bên phải chịu ½ án phí theo quy định. Tuy nhiên, các bên đương sự thống nhất thoả thuận để bà K chịu toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước.

[6] Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng bà Phan Thanh K và ông Phạm Văn M thoả thuận bà Phan Thanh K chịu nộp thay ông Phạm Văn M để sung công quỹ nhà nước.

[7] Đối với án phí chia tài sản: Bà Phan Thanh K thoả thuận chịu toàn bộ án phí chia tài sản là: 33.024.280 đồng (ba mươi ba triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Tất cả các nghĩa vụ của bà Phan Thanh K phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.300.000đ (ba mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002901 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị).

[8] Bà Phan Thanh K thoả thuận chịu phần chi phí thẩm định giá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và đã nộp cho Công ty CP Định giá và Tư vấn Đầu tư Đà Nẵng.

[9] Bà Phan Thanh K thoả thuận nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.200.000đ (bốn triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn), bà K đã nộp đủ.

[10] Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2026); Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND KV1;
- TAND Tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THA KV1, Quảng Trị;
- Các đương sự (.....);
- Ủy ban nhân dân xã Bình Châu, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Phú Quảng**